TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2025/DS-PT
Ngày 04 - 4 - 2025
"V/v Tranh chấp chia tài sản chung của vợ chồng để thi hành án"

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Phượng

***Các Thẩm phán*:** Bà Lê Thị Thọ

Ông Nguyễn Hữu Bằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Minh Nhựt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2025, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 246/2024/TLPT – DS ngày 12 tháng 11 năm 2024 về việc "Tranh chấp chia tài sản chung của vợ chồng để thi hành án"

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2024/DS-ST, ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 287/2024/QĐPT-DS ngày 10 tháng 12 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐ-PT ngày 03 tháng 01 năm 2025; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 04A/2024/QĐ-PT ngày 17 tháng 01 năm 2025; Quyết định tạm đình xét xử phúc thẩm vụ án dân sự số 03/2025/QĐ-PT ngày 18 tháng 02 năm 2025 giữa:

1. *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1967; (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp E, xã V, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

2. *Bị đơn*: Anh Dương Trường A, sinh năm 1992; (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp E, xã V, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

3.1. Ông Dương Văn T, sinh năm 1969; (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp E, xã V, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

3.2. Chị Dương Thị Mỹ T1, sinh năm 1990. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số B, đường C, Khu N, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Dương Thị Mỹ T1: Anh Dương Trường A, sinh năm 1992; (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp E, xã V, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

3.3. Anh Dương Trí K, sinh năm 1999 (chết năm 1999).

3.4. Chị Dương Thị Diễm M, sinh năm 2003. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp E, xã V, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

3.5. Bà Phan Thị Bé B, sinh năm 1962. (Có mặt)

Địa chỉ: Số A, đường C, Khu V, phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

3.6. Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Địa chỉ trụ sở: Ấp A, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh T2, sinh năm 1985. (Có mặt)

Địa chỉ: Khu V, Phường G, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

3.7. Ông Nguyễn Thanh T3, sinh năm 1985. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp I, xã T, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

4. *Người kháng cáo*: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị P, bị đơn anh Dương Trường A cùng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn T, chị Dương Thị Mỹ T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày: Vợ chồng bà Nguyễn Thị P và ông Dương Văn T (gọi tắt là ông T) phải thực hiện nghĩa vụ thi hành án cho Bản án số 101/2021/DS-PT ngày 02/7/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang theo quyết định của Bản án đã tuyên buộc bà P và ông T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà B1 Ba số tiền nợ là 5.634.145.589 đồng (năm tỷ sáu trăm ba mươi bốn triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn năm trăm tám mươi chín đồng). Sau khi nhận được Thông báo số 18/TB-THADS ngày 15/6/2022 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ về việc xác định quyền sỡ hữu, sử dụng đối với tài sản thi hành án bà P đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu chia tài sản chung là phần đất thuộc các thửa 988, 989, 63 và 64, tờ bản đồ số 8, địa chỉ đất tại ấp E, xã V, huyện L, tỉnh Hậu Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy số 00283 ngày 02/7/1999 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho hộ ông Dương Văn T, cho 4 thành viên trong gia đình bà gồm: bà P, ông Dương Văn T, anh Dương Trường A và chị Dương Thị Mỹ T1 mỗi người một phần theo diện tích đo đạc thực tế. Nguồn gốc phần đất mà vợ chồng bà P, ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do bà nhận chuyển nhượng của ông Hai L (không nhớ họ gì, địa chỉ ấp E, xã V, huyện L, tỉnh Hậu Giang), thời gian nhận chuyển nhượng và số tiền nhận chuyển nhượng bà P không nhớ rõ, sau khi nhận chuyển nhượng khoảng 01 – 02 năm thì gia đình bà P được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguồn gốc số tiền để nhận chuyển nhượng phần đất này là do cha mẹ bà P cho và vợ chồng bà tiết kiệm để mua đất cho vợ chồng bà và các con. Sau khi nhận chuyển nhượng thì gia đình bà P cất nhà để ở một phần và phần còn lại trồng cây ăn trái và trồng lúa.

Đến ngày 25/03/2020, gia đình bà P có cầm cố 02 quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Thanh T3, thời hạn là 10 năm (từ 25/3/2020 đến 25/03/2030), với số tiền là 800.000.000 đồng. Cụ thể 02 phần đất: Phần đất diện tích 600m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00832 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 23/11/2008 mang tên hộ ông Dương Văn T; Phần đất diện tích 8.150m^2 đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00283 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 02/07/1999 mang tên hộ ông Dương Văn T. Sau khi cố đất thì ông T3 có cho vợ chồng bà P thuê lại giá 25.000.000 đồng/năm trên toàn bộ phần đất cố. Vợ chồng bà P đã trả đầy đủ tiền thuê đất cho ông T3 hàng năm.

Do tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì hộ gia đình của

bà P gồm có vợ chồng bà P, ông T và 02 người con là anh A và chị T1 nên đây là tài sản chung của hộ gia đình. Vì vậy, bà P yêu cầu được chia phần đất trên tại vị trí số (V), có tổng diện tích 2.105,2m2 theo lược đồ đo đạc số 41/SHC ngày 04/7/2023 của Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ.

Bị đơn anh Dương Trường A trình bày: Anh A thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị P về nguồn gốc phần đất và quá trình sử dụng phần đất tranh chấp. Nguồn tiền để bà P và ông T nhận chuyển nhượng các phần đất này là do ông bà nội và ông bà ngoại cho anh A trong dịp thôi nôi và cúng căng của anh A và chị T1. Sau khi nhận chuyển nhượng phần đất thì anh A cùng cha mẹ có cải tạo phần đất này để cất nhà, trồng lúa và trồng cây ăn trái làm tăng giá trị sử dụng của phần đất. Anh A cũng thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị P về hợp đồng cầm cố đất đối với ông Nguyễn Thanh T3, lúc bà P và ông T cố đất cho ông T3 thì anh A và chị T1 cũng biết, nhưng chị em không có ký tên trong hợp đồng cố đất của hai bên và cũng không biết việc thỏa thuận cố đất là thế nào, cũng như không có nhận tiền cố đất. Nay anh A yêu cầu được chia một phần đất là tài sản chung của hộ gia đình anh A tại vị trí số (II), có tổng diện tích 2.101,7m2, theo lược đồ đo đạc số 41/SHC ngày 04/7/2023 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn T trình bày: Ông N thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị P và anh Dương Trường A về nguồn gốc phần đất và quá trình sử dụng phần đất tranh chấp, không trình bày bổ sung gì thêm. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông T yêu cầu được chia phần đất của gia đình ông T tại vị trí số (IV), có tổng diện tích 1.773,6m^2 theo theo lược đồ đo đạc số 41/SHC ngày 04/7/2023 của Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Dương Thị Mỹ T1 là con gái của bà Nguyễn Thị P và ông Dương Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên hòa giải và giao nộp công khai chứng cứ nhưng vắng mặt, không cung cấp bản tự khai hay ý kiến về việc giải quyết phân chia tài sản chung của bà P, tuy nhiên có gởi đơn yêu cầu độc lập yêu cầu được phân chia 01 phần trong các phần đất tranh chấp diện tích là 2.002m^2 tại vị trí (I) theo lược đồ đo đạc thực tế.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Dương Thị Diễm M là con gái của bà Nguyễn Thị P và ông Dương Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để

tham gia phiên hòa giải và giao nộp công khai chứng cứ nhưng vắng mặt. Tuy nhiên chị M có gởi bản tự khai trình bày do chị M không có công sức đóng góp trong khối tài sản chung của bà P và ông T nên chị M không yêu cầu phân chia tài sản chung. Yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Bé B trình bày: Do bà Nguyễn Thị P và ông Dương Văn T còn nợ số tiền hụi của bà Bé B nên bà Bé B có khởi kiện bà P và ông T tại Tòa án. Kết quả giải quyết theo Bản án số 101/2021/DS-ST ngày 02/7/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang buộc bà P và ông T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà B1 Ba số tiền là 5.634.145.589 đồng. Bản án số 101/2021/DS-ST ngày 02/7/2021 của Tòa án tỉnh Hậu Giang có hiệu lực đến nay thì bà P và ông T vẫn chưa trả cho bà B1 Ba khoản tiền nào. Bà Bé B đã làm đơn yêu cầu Chi Cục Thi hành dân sự huyện L thi hành bản án trên nhưng đến nay bà P với ông T vẫn chưa trả. Đối với yêu cầu chia tài sản chung của bà P, ông T, anh A và chị T1 thì bà B1 Ba không đồng ý. Bà thống nhất khi gia đình bà P ông T chia tài sản thì chia theo số nhân khẩu hiện tại còn trong hộ khẩu.

Ông Nguyễn Thanh T2 là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi Cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ (gọi tắt là cơ quan Thi hành án) trình bày: Hiện tại bà Nguyễn Thị P và ông Dương Văn T có nghĩa vụ chấp hành 01 Bản án số 101/2021/DS-PT ngày 02/7/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang về thực hiện nghĩa vụ trả số tiền hụi còn nợ là 5.634.145.589 đồng cho bà Phan Thị Bé B, ngoài ra không còn nghĩa vụ thi hành bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nào khác tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ. Tới thời điểm hiện tại thì bà P và ông T vẫn chưa trả cho bà B khoản tiền nào. Qua xác minh điều kiện thi hành án của vợ chồng bà P và ông T thì Cơ quan Thi hành án đã ra Thông báo số 18/TB-THADS ngày 15/6/2022 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ về việc xác định quyền sỡ hữu, sử dụng đối với tài sản thi hành án đối với bà P và ông T yêu cầu bà P và ông T thực hiện các thủ tục khởi kiện tại Tòa án để yêu cầu phân chia tài sản chung trong hộ gia đình đối với các phần đất thuộc các thửa 988, 989, 63 và 64, Tờ bản đồ số 8, địa chỉ đất tại ấp E, xã V, huyện L, tỉnh Hậu Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy số 00283 ngày 02/7/1999 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho hộ ông Dương Văn T. Theo đó Cơ quan Thi hành án đã ban hành Quyết định số 08/QĐ-CCTHADS ngày 23/03/2023 về việc cưỡng chế kê biên, xử

lý tài sản đối với các phần đất tranh chấp nêu trên theo quy định. Ngoài các phần đất mà các đương sự tranh chấp đang được Tòa án giải quyết thì bà P và ông T còn 05 thửa đất khác tại xã V nhưng đứng tên của bà P và ông T.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Long Mỹ không có ý kiến gì, yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật. Hiện tại cơ quan Thi hành án đang tạm đình chỉ thi hành án đối với yêu cầu của bà Bé B, khi nào bản án phân chia tài sản chung của hộ gia đình bà P và ông T có hiệu lực pháp luật thì cơ quan Thi hành án sẽ tiếp tục thi hành án theo quy định.

Tại Bản án sơ thẩm số 34/2024/DS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang tuyên xử:

1. Xác định quyền sử dụng đất tại các thửa 988, 989, 63 và 64 có tổng diện tích theo đo đạc thực tế là 8.351,2m2, bao gồm loại đất ONT và CLN tờ bản đồ số 8, địa chỉ đất tại ấp E, xã V, huyện L, tỉnh Hậu Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy số 00283 ngày 02/7/1999 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho hộ ông Dương Văn T, là tài sản chung của hộ gia đình ông Dương Văn T bao gồm: Ông Dương Văn T, bà Nguyễn Thị P, anh Dương Trường A và chị Dương Thị Mỹ T1.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu chia tài sản là các thửa đất trên của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P đối với bị đơn anh Dương Trường A.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố yêu cầu chia tài sản là các thửa đất trên của bị đơn anh Dương Trường A đối với nguyên đơn bà Nguyễn Thị P và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn T.

4. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập yêu cầu chia tài sản là các thửa đất trên của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn T và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Dương Thị Mỹ T1 đối với nguyên đơn bà Nguyễn Thị P.

Giao cho bà Nguyễn Thị P và ông Dương Văn T được sỡ hữu, sử dụng toàn bộ các phần đất tại các vị trí như sau:

- Phần đất tại vị trí I: Có diện tích 2002,0m^2. Trong đó: Vị trí (I) có diện tích 452,5m^2 (trong đó có 208,7m^2 loại đất ONT, có 243,8m^2 loại đất CLN); Vị trí (I) có diện tích 1139,0m^2 loại đất CLN; Vị trí (Ic) có diện tích 410,5m^2, loại đất CLN.

- Phần đất tại vị trí II: Có diện tích 2.101,7m^2. Trong đó: Vị trí (IIa) có diện tích 250,8m^2 (trong đó, có 91,3m^2 loại đất ONT, có 159,5m^2 loại đất CLN); Vị trí (IIb) có diện tích 202,2m^2, loại đất CLN; Vị trí (IIc) có diện tích 913.8m^2, loại đất: CLN; Vị trí (IId) có diện tích 734,9m^2, loại đất CLN.

- Phần đất tại vị trí IV: Có diện tích 1.773,6m^2. Trong đó: Vị trí (IVa) có diện tích 149,3m^2, loại đất CLN; Vị trí (IVb) có diện tích 1.624,3m^2, loại đất CLN.

- Phần đất tại vị trí V: có diện tích 2.105,2m^2. Trong đó: Vị trí (V) có diện tích 309,3m^2, loại đất CLN; Vị trí (Vb) có diện tích 1.795,9m^2, loại đất CLN.

(Kèm mảnh trích đo địa chính số 41/SHC ngày 04/7/2023 của Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ)

Giao cho bà Nguyễn Thị P và ông Dương Văn T được sỡ hữu, sử dụng toàn bộ phần nhà, công trình xây dựng và cây trồng trên đất.

Bà Nguyễn Thị P và ông Dương Văn T có nghĩa vụ trích chia 01 phần giá trị tài sản cho anh Dương Trường A và chị Dương Thị Mỹ T1 mỗi người số tiền là 270.614.316 đồng (hai trăm bảy mươi triệu sáu trăm mười bốn nghìn ba trăm mười sáu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Giao cho bà Nguyễn Thị P, ông Dương Văn T, anh Dương Trường A, chị Dương Thị Mỹ T1 được quyền sở hữu chung phần đất (nền mộ) diện tích 368,7m2 (vị trí III), nằm tại một phần thửa 63, loại đất CLN. (Kèm mảnh trích đo địa chính số 41/SHC ngày 04/7/2023 của Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ).

Kiến nghị Chi Cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ không kê biên để thực hiện nghĩa vụ thi hành án của bà Nguyễn Thị P và ông Dương Văn T đối với phần đất nền mộ trên.

6. Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Thanh T3 đối với bà Nguyễn Thị P và ông Dương Văn T về hợp đồng cố đất.

Giành quyền khởi kiện cho ông Nguyễn Thanh T3 đối với bà Nguyễn Thị P và ông Dương Văn T về hợp đồng cố đất khi có yêu cầu.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của đương sự.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024 nguyên đơn bà Nguyễn Thị P, bị đơn anh Dương Trường A, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn T và chị Dương Thị Mỹ T1 kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 34/2024/DS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm công nhận sự thỏa thuận phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất cho các thành viên của hộ gia đình ông Dương Văn T đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số vào số cấp Giấy chứng nhận 00283 do UBND huyện L cấp này 02/07/1999 và theo mãnh trích đo địa chính số 41/SHC ngày 04/07/2023 của Công ty TNHH Đ, chi tiết như sau:

1. Bà Nguyễn Thị P yêu cầu được chia phần đất tại vị trí (V) có diện tích 2105,2m².

2. Anh Dương Trường A yêu cầu được chia phần đất tại vị trí (II) có diện tích 2101,7m² và phần đất tại vị trí (III) là phần nền mộ, có diện tích 368,7m².

3. Ông Dương Văn T yêu cầu chia phần đất tại vị trí (IV) có diện tích 1773,6m².

4. Chị Dương Thị Mỹ T1 yêu cầu được chia phần đất tại vị trí (I) có diện tích 2.002m².

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét những sai sót của Tòa án sơ thẩm về tố tụng và nội dung, Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy Bản án sơ thẩm số 34/2024/DS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang để chuyển toàn bộ hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền:*

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P, yêu cầu Tòa án công nhận sự thỏa thuận phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất cho các thành viên hộ gia đình của ông Dương Văn T. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật "yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng để thi hành án" là chưa đúng với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bởi theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P và các thành viên trong gia đình đã thỏa thuận được với nhau về việc chia tài sản chung, không có tranh chấp, chỉ yêu cầu Tòa án công nhận sự thỏa thuận. Căn cứ vào quy định tại Điều 361 Bộ luật Tố tụng dân sự, thì yêu cầu của bà Nguyễn Thị P là việc dân sự. Thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, nơi có tài sản là bất động sản các đương sự yêu cầu công nhận sự thỏa thuận phân chia quyền sử dụng đất. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý vụ án và giải quyết vụ án xác định bị đơn là người con trai của bà P là anh Dương Trường A là không đúng. Bởi vì, người đứng tên chủ hộ quyền sử dụng đất là chồng của bà Nguyễn Thị P là ông Dương Văn T. Nếu có phát sinh tranh chấp thì bà P khởi kiện yêu cầu ông T chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân. Hoặc các thành viên trong hộ là anh Dương Trường A, bà Dương Thị Mỹ T1 có quyền yêu cầu độc lập.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định anh Dương Trường A là bị đơn có yêu cầu phản tố là không đúng với quy định tại Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự: "*Yêu cầu phản tố để bù trừ nghĩa vụ với yêu cầu của nguyên đơn*". Như vậy, nguyên đơn yêu cầu

Tòa án công nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn và các thành viên trong gia đình về việc chia quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, bị đơn yêu cầu chia cho bị đơn phần tài sản là quyền sử dụng đất đã thỏa thuận với nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Yêu cầu của ông Dương Trường A không để bù trừ nghĩa vụ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh T3 có yêu cầu độc lập, đã nộp tạm ứng án phí vào ngày 03/5/2024, đến ngày 10/5/2024 rút yêu cầu độc lập. Tòa sơ thẩm chưa ra thông báo thụ lý yêu cầu của ông T3, nhưng đã đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của ông T3 là chưa đảm bảo về trình tự thủ tục tố tụng.

[1.2] *Về thủ tục kháng cáo*

Sau khi xét xử sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu kháng cáo đúng trong thời hạn kháng cáo nên được Hội đồng xét xử chấp nhận để xem xét.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị P, bị đơn anh Dương Trường A, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn T và chị Dương Thị Mỹ T1 kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 34/2024/DS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm công nhận sự thỏa thuận phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất cho các thành viên của hộ gia đình ông Dương Văn T đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số vào số cấp Giấy chứng nhận 00283 do UBND huyện L cấp này 02/07/1999 và theo mãnh trích do địa chính số 41/SHC ngày 04/07/2023 của Công ty TNHH Đ chi tiết như sau:

1. Bà Nguyễn Thị P yêu cầu được chia phần đất tại vị trí (V) có diện tich 2105,2m².

2. Anh Dương Trường A yêu cầu được chia phần đất tại vị trí (II) có diện tích 2101,7m² và phần đất tại vị trí (III) là phần nền mộ, có diện tích 368,7m².

3. Ông Dương Văn T yêu cầu chia phần đất tại vị trí (IV) có diện tích 1773,6m².

4. Chị Dương Thị Mỹ T1 yêu cầu được chia phần đất tại vị trí (I) có diện tích 2.002m².

Xét thấy, nguyên đơn bà Nguyễn Thị P và ông Dương Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phan Thị B1 Ba số tiền 5.634.145.589đồng theo Bản án số 101/2021/DS-PT ngày 02/7/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

Đến ngày 23 tháng 3 năm 2023 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Mỹ đã ra Quyết định số 08/QĐ-CCTHADS về việc cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản đối với bà Nguyễn Thị P và ông Dương Văn T đối với các tài sản mà các đương sự đã thỏa thuận phân chia quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.

Như vậy, các đương sự gồm bà Nguyễn Thị P, ông Dương Văn T, ông Dương Trường A, bà Dương Thị Mỹ T1 đã thống nhất thỏa thuận phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất cho các thành viên của hộ gia đình ông Dương Văn T đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số vào số cấp Giấy chứng nhận 00283 do UBND huyện L cấp này 02/07/1999. Sự thỏa thuận của các đương sự không được trái quy định của pháp luật, có nhằm mục đích trốn tránh nghĩa vụ thi hành án đối với người được thi hành án bà Phan Thị B1 Ba hay không, Hội đồng xét xử cần thiết đánh giá chứng cứ để xem xét các yêu cầu của đương có hợp pháp hay không.

Nguồn gốc đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00283 do UBND huyện L cấp ngày 02/07/1999

Theo kết quả tra cứu tàng thư tại Công văn số 172/CAH ngày 04/4/2023 của Công an huyện L: Hồ sơ hộ khẩu của hộ ông Dương Văn T lập ngày 08/5/1995. Hộ ông Dương Văn T đăng ký thường trú tại ấp E, xã V, huyện L, tỉnh Hậu Giang, gồm có các thành viên: Chủ hộ ông Dương Văn T, bà Nguyễn Thị P, bà Dương Thị Mỹ T1, ông Dương Trường A.

Trên cơ sở trên, Hội đồng xét xử xác định tại thời điểm Hộ ông Dương Văn T được UBND huyện L công nhận quyền sử dụng đất số 00283 ngày 02/07/1999, các con của ông T và bà P gồm chị Dương Thị Mỹ T1 đạt 09 tuổi, anh Dương Trường A đạt 07 tuổi.

Theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Dân sự năm 2015, người từ đủ 06 tuổi đến dưới 15 tuổi chưa được Nhà nước giao quyền sử dụng đất. Đồng thời theo quy định tại Điều 109 Bộ luật Dân sự năm 2005 người từ đủ 15 tuổi trở lên mới có

quyền định đoạt tài sản là quyền sử dụng đất của hộ gia đình. Chị Dương Thị Mỹ T1 và anh Dương Trường A chưa có công sức đóng góp trong xác lập quyền sử dụng đất của hộ gia đình. Mặt khác, nguồn gốc đất do vợ chồng của bà P và ông T nhận chuyển nhượng của người khác, là tài sản hình thành trong thời kỳ hôn nhân, là tài sản chung của vợ chồng. Theo quy định tại Điều 42 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, việc chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân sẽ bị vô hiệu, nhằm trốn tránh thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho người khác.

Do Tòa án cấp sơ thẩm sai lầm trong đánh giá chứng cứ, dẫn đến áp dụng pháp luật không đúng trong giải quyết vụ án. Những sai sót của Tòa án cấp sơ thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có cơ sở nên không được Hội xét xử xem xét.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm số 34/2024/DS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Chuyển hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ thụ lý, giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[4] Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng sơ thẩm: Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí xem xét thẩm định, thẩm định giá sẽ được xác định lại khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết lại vụ án.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Án phí dân sự phúc thẩm không ai phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm số 34/2024/DS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

2. Chuyển hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang thụ lý, giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm

3. Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng sơ thẩm: Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí xem xét thẩm định, thẩm định giá sẽ được xác định lại khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết lại vụ án.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Án phí dân sự phúc thẩm không ai phải chịu.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị P số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng), bà Nguyễn Thị P đã tạm nộp theo biên lai thu số 0010183 ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Hoàn trả lại cho bị đơn ông Dương Văn T số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng), ông Dương Văn T đã tạm nộp theo biên lai thu số 0010184 ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Hoàn trả lại cho anh Dương Trường A số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng), anh Dương Trường A đã tạm nộp theo biên lai thu số 0010185 ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Hoàn trả lại cho chị Dương Thị Mỹ T1 số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng), chị Dương Thị Mỹ T1 đã tạm nộp theo biên lai thu số 0010182 ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND huyện Long Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Long Mỹ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Phượng